TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Trần

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhẫn – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà L Hồng L, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà L Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2013 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Nguyễn Thành Đ làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có một đứa con chung nhưng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là do quan điểm trong cuộc sống không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, ông Đ không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cuộc sống vật chất, tinh thần của vợ con. Từ khoảng năm 2015, bà và ông Đ đã sống riêng cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Vợ chồng có được 01 người con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 28/11/2013, hiện con chung đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu

trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống đúng như bà L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà L Hồng L trình bày vì giữa ông và bà L không có mâu thuẫn như bà L trình bày vì khi ba mẹ ông bệnh thì bà L vẫn về tới lui, nói chuyện bình thường, khi lễ tết ông vẫn có chở con đi chơi chứ không phải không quan tâm đến vợ con, theo ông vợ chồng chỉ mới ly thân khoảng hơn 3 năm nay chứ không phải bảy tám năm như bà L trình bày, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được hàn gắn, ông nhìn nhận khuyết điểm thời gian qua và sẽ khắc phục trong thời gian tới để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có được 01 người con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 28/11/2013, hiện con chung đang chung sống với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông không trình bày ý kiến vì ông không đồng ý ly hôn nên không trình bày ý kiến đối với con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L Hồng L đối với ông Nguyễn Thành Đ; giao con chung tên Nguyễn Lê Q cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà L Hồng L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L yêu cầu xin vắng mặt, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông Đ theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L Hồng L và ông Nguyễn Thành Đ làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ vì bà L xác định sau khi cưới vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là do quan điểm trong cuộc sống không hợp nhau, bất đồng trong làm ăn,

phát triển kinh tế gia đình, ông Đ không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cuộc sống vật chất, tinh thần của vợ con nên đã ly thân gần tám năm nay còn ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà L Hồng L trình bày vì giữa ông và bà L không có mâu thuẫn vì khi ba mẹ ông bệnh thì bà L vẫn về tới lui, nói chuyện bình thường, khi lễ tết ông vẫn có chở con đi chơi chứ không phải không quan tâm đến vợ con, theo ông vợ chồng chỉ mới ly thân khoảng hơn 3 năm nay chứ không phải bảy tám năm như bà L trình bày, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được hàn gắn, ông nhìn nhận khuyết điểm thời gian qua và sẽ khắc phục trong thời gian tới để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Xét thấy, ông Đ cho rằng vợ chồng ông sẽ hàn gắn nhưng từ khi Tòa án hòa giải đến ngày xét xử ông Đ không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt khi Tòa án xét xử, bà L cương quyết ly hôn với ông Đ. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà L và ông Đ không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn với ông Đ.

[3] Về nuôi con chung: Bà L Hồng L và ông Nguyễn Thành Đ có một con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 28/11/2013. Xét thấy, con chung Nguyễn Lê Q đang do bà L nuôi dưỡng, ông Đ không có ý kiến gì đối với việc bà L yêu cầu nuôi con. Mặt khác, con chung Nguyễn Lê Q có nguyện vọng được sống cùng với bà L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Lê Q cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Đ xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà L Hồng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L Hồng L. Bà L Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Q, sinh ngày 28/11/2013 cho bà L Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà L Hồng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà L Hồng L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010841 ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mộng Chi